

# **Kiến thức bản địa của tộc người Êđê trong hệ thống canh tác nương rẫy tại tỉnh Daklak**

Indigenous knowledge of Ede ethnic people in shifting cultivation systems in Daklak province

Indigenous knowledge is knowledge of community in the local. Indigenous knowledge of Ede people in shifting cultivation systems is valuable knowledge treasures which learn by experiences of agricultural production and culture of traditional life of Ede community.

Slash and burn systems with process of find out new upland field, cutting and burning, seeding, agricultural calendar, conservation and diversity of upland rice are sustainable farming systems for ethnic farmers in Central highland. Shifting cultivation systems by indigenous knowledge need deep study and extension to other ethnic group to aim support social economic development of ethnic minority in the mountainous regions in Vietnam.

## **ĐẶT VẤN ĐỀ**

Daklak là một trong bốn tỉnh giàu tiềm năng của Tây Nguyên, với hơn 1,95tr ha đất tự nhiên. Đây là vùng đất còn lưu giữ nhiều phong tục tập quán truyền thống quý báu và giàu tính nhân văn của 43 dân tộc anh em cùng sinh sống (Thống kê Daklak, 2002). Trải qua hàng ngàn năm tồn tại và phát triển cùng núi rừng trùng điệp, người dân Tây Nguyên đã tích lũy được vô vàng kinh nghiệm và kiến thức quý giá cho kho tàng kiến thức của dân tộc mình. Trong nhiều kiến thức bổ ích giúp họ tồn tại và thích nghi với các điều kiện bất lợi giữa “rừng thiêng nước độc”, có những kiến thức được thần thánh hoá rất huyền bí nhưng đầy tính nhân văn và triết lý bền vững thông qua hành vi và ứng xử của con người với giới tự nhiên, nhiều hiểu biết giúp họ sản xuất nương rẫy đạt hiệu quả cao và bảo tồn được thành quả lao động do mình tạo ra.

Kiến thức bản địa (IK – Indigenous knowledge) được hiểu là hệ thống kiến thức của dân tộc bản địa hoặc của một cộng đồng tại một khu vực cụ thể nào đó, nó tồn tại và phát triển trong những hoàn cảnh nhất định với sự đóng góp của mọi thành viên trong cộng đồng (Lowise G, 1996). Kiến thức bản địa (IK) trong canh tác nương rẫy của tộc người Êđê là một kho tàng kiến thức chưa được hiểu biết đầy đủ và hệ thống. Từ ý tưởng cần ghi nhận và hệ thống hoá các hoạt động chính trong canh tác nương rẫy chỉ sử dụng IK, đề tài *Kiến thức bản địa của tộc người Êđê trong hệ thống canh tác nương rẫy tại tỉnh Daklak* được thực hiện.

## **Mục tiêu**

Ghi nhận các hoạt động trong hệ thống canh tác nương rẫy của tộc người Êđê tại tỉnh Daklak, nhằm hệ thống hoá kiến thức bản địa, góp phần cung cấp tư liệu khoa học và thực tiễn về canh tác nương rẫy bằng kiến thức bản địa.

## **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

Nghiên cứu IK là lĩnh vực nghiên cứu trẻ ở Việt nam, IK không là một đại lượng vật chất cụ thể do vậy nghiên cứu theo phương pháp định tính của nghiên cứu xã hội học

Phương pháp chọn mẫu có định hướng, mẫu đại diện cho tộc người Êđê ở vùng sâu còn nhiều phong tục tập quán truyền thống. Chọn 4 buôn, 30 người/buôn, người lớn tuổi do già làng và trưởng buôn giới thiệu.

Lý thuyết “hộp đen” trong nghiên cứu hệ thống được áp dụng cho những IK mà người dân thực hiện trong khi khoa học chưa có thực nghiệm lý giải.

### **Địa điểm, đối tượng và thời gian nghiên cứu**

Người Êđê: Hai buôn thuộc huyện Eakar, hai buôn huyện Krông Ana.

Vật liệu điều nghiên là lúa rẫy địa phương, một nông sản truyền thống và có ý nghĩa về mặt vật chất lẫn tinh thần của tộc người Êđê.

Thời gian nghiên cứu từ 12/2001 – 12/2003.

## **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

### **Đôi nét về nguồn gốc và tập quán của tộc người Êđê tại Daklak**

Người Êđê nói ngôn ngữ Malay – polinesia, thuộc chi phía Tây của ngôn ngữ Indonesia. Tộc danh “người Êđê” do đồng bào tự gọi mình là Anak Êđê, thuật ngữ này nghĩa là những người sống trong rừng tre (Ele). Họ sống thành cộng đồng ở những khu bằng phẳng hay ven các con sông, con suối. Cộng đồng có tinh thần đoàn kết rất cao, đơn vị cơ sở là *buôn*, trong buôn có nhiều nhà sàn, vài thế hệ của một gia đình sống chung trong một nhà sàn dài. Chế độ mẫu hệ phân quyền với tục “nối dây” là nét đặc thù của xã hội Êđê truyền thống (Ngô Đức Thịnh, 1996). Người Êđê tuân thủ luật tục cộng đồng khá nghiêm ngặt, đứng đầu cộng đồng là *PôPin Ea* (Chủ bến nước) – Già làng. Luật tục Êđê là một kho kiến thức đồ sộ về những điều luật truyền thống giúp cộng đồng Êđê thống nhất, tồn tại và phát triển.

### **Kiến thức bản địa trong canh tác nương rẫy**

Người Êđê có những kiến thức bản địa sâu sắc về canh tác nương rẫy trên đất dốc với tập quán canh tác du canh quay vòng, kỹ thuật làm đất tối thiểu, “chọc lỗ tủa hạt”. Các công đoạn gồm: Tìm rẫy mới hay quay vòng rẫy cũ, phát dọn rẫy, đốt rẫy, dọn sạch rẫy, chọc lỗ tủa hạt, làm cỏ, giữ chim thú, thu hoạch và bảo quản. Mỗi công đoạn trong qui trình canh tác đều được đi kèm với những phong tục, tín ngưỡng cúng thần linh, các tập tục này lưu truyền qua nhiều thế hệ và được thần thánh hoá thể hiện sự tôn trọng của con người trước thiên nhiên.

#### *Tìm rẫy*

Kinh nghiệm nhìn cây chỉ thị, nhìn màu đất và những ụ giun đất giúp người Êđê chọn được khoảnh rừng mới thích hợp hay rẫy cũ đã phục hồi dinh dưỡng sau chu kỳ bỏ hoá. Khi chặt hạ cây, họ thường để lại cây to như cây kơ nia (*Irvingia malayana*) cho hạt ăn bùi và béo, cây xoài (*Malgifera indica*) trái chín vàng rất ngọt, cây me rừng (*Tamarindus indica*) trái ngon ngọt. Vị trí chặt luôn cách mặt đất khoảng 1 m cho cây tái

### *Đốt rẫy*

Tháng hai và ba là tháng nắng nhất trong năm, sau khi chặt cây để khô là đốt rẫy, người Êđê thường đốt cuối và ngược gió, trước khi đốt phải làm một hàng rào chống cháy xung quanh rẫy định đốt. Sau khi đốt gom dọn sạch rẫy, lớp tro sẽ cung cấp một phần dinh dưỡng cho đất. Đốt rẫy phải được tiến hành cẩn thận và thông báo cho người có rẫy cạnh được biết, nếu để cháy lan sang hoặc cháy rừng sẽ bị trừng phạt theo luật tục cộng đồng.

Luật tục Êđê rất khoa học và nghiêm túc có 236 điều. Cộng đồng Êđê cổ truyền tôn trọng luật tục và trong mỗi buôn đều có Pô Phát Kđi (người xử kiện) đứng ra trông coi công việc này. Điều 80 về vi phạm cháy rừng là một minh chứng.

*Đàn ông thường đốt lửa bữa bãy*

*Đàn bà thường đốt lửa bữa bạ*

*Có những người đốt lửa mà làm như kẻ điếc, kẻ dui*

*(...) Có những người đốt lửa mà làm như kẻ điên, kẻ dại*

*(...) Cho nên nếu biết được con đàn bà ấy là ai*

*Thằng đàn ông ấy là ai thì việc xét xử*

*Phải đi đến phải bồi thường nặng.* (Ngô Đức Thịnh 1998).

### *Gieo hạt*

Đàn ông dùng hai thanh cây rừng dài, gỗ nặng, bền để chọc lỗ, hai tay cầm hai cây vừa đi vừa chọc, phụ nữ đi theo lỗ và gieo hỗn hợp hạt gồm lúa, dưa, ớt, bí bầu, đậu.

### **Hệ thống cây trồng trên nương rẫy**

Do phương thức canh tác tự cung tự cấp dựa vào độ phì tự nhiên nên hệ thống cây trồng truyền thống khá đa dạng giống và phong phú loài cây trồng. Có thể nói đây là mô hình canh tác bền vững, hiệu quả và hạn chế rủi ro rất hiệu quả khi đất rộng người thưa.

Một số hệ cây trồng chính trên rẫy truyền thống thường gặp ở người Êđê là:

- Lúa rẫy 3 tháng vụ I, đậu vụ II

- Lúa rẫy 4 tháng, 5 tháng xen bắp địa phương

- Lúa rẫy 5 tháng, 6 tháng xen bắp theo hàng và đậu ăn sống, dưa hấu, bí, ớt, cà xen không qui cách.

- Đậu vụ I, bắp vụ II

- Cây ăn trái địa phương xen trong rẫy lúa

- Chuối, đu đủ địa phương trồng theo đám cuối rẫy lúa

Hiện nay do sự du nhập của giống mới nên hệ thống cây trồng có nhiều mô hình khác, song bài viết chỉ giới hạn trong hệ thống canh tác nương rẫy truyền thống.

## Nông lịch

Nông lịch là IK tích lũy được về mối quan hệ giữa thời tiết khí hậu với các hoạt động sản xuất trên nương rẫy. Người dân cho biết khi con ve sầu kêu nhiều, con tắc kè núi kêu to, con chim rừng hót nhiều, con kiến bò thành đàn lên cành cây cao và gió thổi từ phía ông mặt trời đi ngủ là chuẩn bị vào mùa mưa và người dân kiểm tra giống, phơi lại giống, trộn giống chuẩn bị cho mùa gieo hạt. Khi có một vài trận mưa cùng sấm sét lớn là chuẩn bị xuống giống. Giống đậu, giống lúa ngắn ngày được gieo trước, giống bắp, giống lúa dài ngày gieo sau đó. Nông lịch được ghi nhận như sau

**Bảng 1: Lịch thời vụ của hai cây trồng chính trên rẫy**

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Ngô					Gieo	l.cỏ	l.cỏ	Thu	Thu			
Lúa	Phát rừng	Đốt	Dọn		Gieo	Gieo	l.cỏ	l.cỏ	Thu	Thu	Thu	Cúng Giàng

## Sự đa dạng của giống lúa rẫy

Thuần hoá từ những cây lúa hoang trong rừng, chọn lọc, bảo tồn được một bộ giống lúa rẫy đa dạng là một IK vô cùng quý giá, nhất là giống lúa có tính trạng hiếm về tính chống chịu hạn, tính kháng sâu bệnh, phẩm chất hạt, thời gian sinh trưởng cực ngắn, năng suất ổn định và thích hợp trên nhiều chân đất. Có thể nói đây là công trình vô giá của các cộng đồng bản địa Tây nguyên. Nhiều người dân cho rằng giống lúa của khuyến nông đưa vào tuy có năng suất cao nhưng sau hai vụ năng suất xuống thấp, cây cao cây thấp, gạo ăn không ngon nên họ thường bỏ giống.

Năm 1996 trên 5 huyện đại diện tỉnh Daklak, chúng tôi đã thu thập mẫu giống lúa rẫy theo nhóm dân tộc chính tại Tây nguyên như sau:

**Bảng 2: Số lượng mẫu giống phân bố theo các nhóm dân tộc**

STT	Phân bố theo nhóm dân tộc	Số lượng mẫu giống	Phân trăm (%)
1	Người Kinh	73	25,2
2	Người Êđê	118	40,7
3	Người Mnông	84	29,0
4	Người Xedang	6	2,1
5	Người Jarai	8	2,7
6	Người Tay, Nung và các nhóm khác	1	0,3
	Tổng cộng	290 mẫu giống	100

Người Êđê có số lượng mẫu giống đa dạng nhất và chiếm 40,7%, người Mnông có lượng mẫu chiếm 29% tổng số loại mẫu giống trong các dân tộc tại Daklak. Năm 2002 nghiên cứu sưu tập lại các giống của Mnông chỉ còn 50 giống (mất 34 giống). Sự xói mòn tài nguyên di truyền này là một mất mát lớn cho khoa học chọn tạo giống lúa, nhất là gene chống chịu hạn, sâu bệnh và thời gian sinh trưởng cực ngắn 75-80 ngày.



Hình 1: Sự đa dạng của giống lúa rẫy địa phương



Hình 2: Bộ gùi đựng lúa của phụ nữ Êđê

### Thu hoạch và bảo quản giống lúa rẫy

Chọn lọc giống quần thể được người Êđê áp dụng, đám lúa tốt đều, không đổ ngã, không có sâu bệnh hại, không bị trâu bò, chim thú rừng phá hại được chọn để thu hoạch làm giống. Trước thu hoạch loại bỏ những cây lúa lạ là một kinh nghiệm quý. Thu hoạch bằng tay, ngắt từng bông lúa cột lại thành chùm hoặc tuốt bông lúa cho vào *gùi* là tùy thuộc sự quý giá về mặt tinh thần và đặc tính nông học của các giống lúa truyền thống. Sau khi mang về lúa giống được phơi lại trên nong tre một nắng lớn cho khô và cất giữ trong bồ đựng. Phía trên và dưới bồ thường có một lớp lá cây khô *Hla-klo* và đập lại bằng nong tre, bồ lúa để ở nhà kho chứa nông sản riêng biệt với nhà ở. Thời gian bảo quản lúa rẫy từ 6 - 9 tháng tùy giống và nhu cầu gieo trồng vụ sau. Trong quá trình bảo quản họ thường kiểm tra và có vài lần phơi lại nếu thấy ẩm ướt.

Phỏng vấn nông dân am hiểu về phương pháp bảo quản giống lúa ghi nhận như sau:

**Bảng 3: Các phương pháp bảo quản lúa giống của người Êđê**

Họ và tên Nông dân	Bảo quản trong bao để nhà kho	Bảo quản nguyên bông treo nhà bếp	Bảo quản trong bao treo nhà bếp	Bảo quản trong bao để bồ cùng lúa thối
Y-Kri Byă	9	7	8	4
Y-Som Êban	10	8	9	6
Y-Kuen Byă	10	8	8	7
Y-Pin Mlô	10	7	8	6
Y-Rim Niê	10	8	8	6
Y-Ran Mlô	9	9	9	4
Y-truê Niê	10	8	8	7
Y-Blót Mlô	10	8	9	7
Y-Ngời Niê	10	7	9	5
Y-Bun Niê	10	7	8	4
Tổng điểm	98	77	84	56
Xếp loại	I	III	II	IV

Như vậy, kiến thức bản địa trong bảo quản lúa giống của người Êđê chủ yếu là bảo quản trong bao để nhà kho đối với lượng giống lớn và bảo quản trong bao hay nguyên bông treo nhà bếp đối với giống hiếm và số lượng giống ít.

Tuy nhiên sự thu hoạch và bảo quản lúa theo truyền thống cũng có mặt hạn chế, qua phỏng vấn và phân tích chúng tôi ghi nhận những ưu nhược điểm:

**Bảng 4: Những điểm mạnh điểm yếu trong bảo quản lúa**

Loại nông sản	Cách bảo quản	Nơi bảo quản	T/gian bảo quản	Ưu điểm	Nhược điểm
Lúa thịt dùng để cúng và ăn	- Thu hoạch lúa khô đổ vào bồ lúa để trong nhà kho - Làm bẫy chuột, nuôi mèo bắt chuột	Nhà kho làm riêng cách xa nhà ở	9-12 tháng	- Dụng cụ bảo quản dễ làm, đơn giản. - Bảo quản thông thoáng - Tránh cháy kho và chống chuột tốt	- Thời gian bảo quản dài dễ bị mốc, ẩm mốc nhất là mùa mưa. - Dễ bị ảnh hưởng bởi tác động của môi trường.
Lúa làm giống	- Để vào bao, sọt treo trên xà nhà - Phơi định kỳ để bảo quản tốt	- Nhà kho - Nhà bếp	6 tháng	-Dụng cụ bảo quản đơn giản dễ làm, không tốn kém. -Đảm bảo và an toàn	-Bảo quản với số lượng ít. -Khó áp dụng cho diện tích sản xuất lớn.

## KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

### Kết luận

Kiến thức bản địa là một lĩnh vực nghiên cứu lý thú, rộng và có tính đặc thù cao, nó là sự đúc kết kinh nghiệm, tinh túy tri thức của cả cộng đồng, sự giao thoa giữa các cộng đồng, đồng thời chịu tác động của nhiều nhân tố tự nhiên, kinh tế xã hội. Tuy là nghiên cứu bước đầu IK của tộc người Êđê trong hệ thống canh tác nương rẫy, song chúng tôi sơ bộ Êđê trong sản phẩm có một số kết luận sau:

- Hệ thống canh tác nương rẫy truyền thống với qui trình từ rẫy, đốt dọn, chọc lỗ, gieo hạt, nông lịch, sự đa dạng của giống lúa rẫy và phương thức thu hoạch bảo quản giống là một hệ thống phù hợp cho sản xuất trên đất dốc, biết tôn trọng thiên nhiên và được điều tiết bởi các luật tục truyền thống của cộng đồng Êđê.

- Chọn lọc giống quần thể và bảo quản giống theo phương pháp treo giàn bếp đối với giống quý, lượng giống ít và bảo quản trong bao cho vào bồ lúa có lót lá xoan khô lót trên và dưới bồ là hiệu quả và được nhiều người dân áp dụng.

- Xu hướng phát triển của xã hội đã làm xói mòn kiến thức bản địa một cách đáng kể. Chiều hướng sản xuất nông nghiệp độc canh đã làm suy giảm sự đa dạng cây trồng và mai một kiến thức bản địa của người Êđê sống ở tỉnh Daklak.

### Đề nghị

Một số kiến thức bản địa rất quý giá nhưng dưới tác động của những điều kiện môi sinh, kinh tế xã hội ngày nay đã trở nên không phù hợp cần nghiên cứu cải tiến nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

Tiếp tục nghiên cứu sâu kiến thức bản địa của người Êđê trong hệ thống canh tác nương rẫy và bảo quản các nông sản ở những địa bàn và trên tộc người khác để kế thừa

### Tài liệu tham khảo

1. Bùi Minh Đạo, 1990. *Một số vấn đề cơ bản về trồng trọt ở các dân tộc tại chỗ Tây nguyên*. Tạp chí Dân tộc học số 2, trang 39-45
2. Phạm Văn Hiền, 2002. *Số lượng và sự phân bố đa dạng cây trồng của người Mnông tại Nam Nung, Krông nô, Daklak*. Bảo tồn đa dạng sinh học nông nghiệp trên đồng ruộng tại Việt nam. Nhà xuất bản nông nghiệp.
3. Phạm Văn Hiền, 2003. *Đa dạng sinh học trong nông nghiệp tại Daklak*. Hội thảo đa dạng sinh học và xoá đói giảm nghèo vùng núi Việt nam, Sapa 26-28/5/2003.
4. Everlyn Mathias, 2001. *Phương pháp thu thập và sử dụng kiến thức bản địa*. Nhà xuất bản nông nghiệp
5. Ngô Đức Thịnh, 1996. *Luật tục Êđê*. Nhà xuất bản chính trị quốc gia.
11. Nguyễn Văn Thường, 2002. *Nghiên cứu kiến thức bản địa của người đồng bào dân tộc thiểu số Gia rai trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên ở vùng Tây nguyên*. Đề án Việt Nam – Hà Lan.
- 6 Hoàng Xuân Tý, Lê Trọng Cúc, 1998. *Kiến thức bản địa của đồng bào vùng cao trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên*. Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà nội, trang 3-11

#### Ngoài nước

7. International Institute of Rural Reconstruction (IIRR), 1996. *Recording and using indigenous knowledge A manual*. Cavite, Philippines, 211 pp.
8. Everlyn Mathias, 1995. *Building on indigenous knowledge, resource management for upland areas in Southeast Asia, FAO-IIRR, Cavite, Philippines*.
9. Kajember, G.C. 1994. *Indigenous management systems as a basic for community forestry in Tanzania*. Wold Wild IK.
10. Warren M.D.1992. *Indigenous knowledge, biodiversity conservation and development*. Key note address intern. Conference on conservation of biodiversity Nairobi, Kenya 15 pp.